

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN HÓA HỌC KỲ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC 2022 – 2023

I. HÓA HỌC 12:

1. Giới hạn nội dung kiểm tra:

- Chương 3: Amin – Amino Axit – Peptit – Protein.
- Chương 4: Polime - Vật liệu polime.
- Chương 5: Đại cương Kim loại (Đến Bài 18: Phần Tính chất hóa học của kim loại).

2. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan (30 câu), Thời gian làm bài: 45 phút.

Đảm bảo 4 mức độ:

- + Khối 12A: Nhận biết : Thông hiểu : Vận dụng thấp : Vận dụng cao = 4 : 3 : 2 : 1
- + Khối 12D: Nhận biết : Thông hiểu : Vận dụng thấp : Vận dụng cao = 4 : 3 : 3 : 0

3. Ma trận đề Kiểm tra:

3.1. Ma trận đề Khối 12A:

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số câu TN	Thời gian (phút)	
1	Chương 3: Amin – Amino axit – Peptit – Protein	Amin	3	1,5	1	1	2	4	1	3	7	9,5	17,5%
2		Amino axit	2	1	2	2	2	4	2	8	8	15	20%
3		Peptit - Protein	2	1	1	1	1	2			4	4	10%

4	Chương 4: Polime – Vật liệu polime	Poime – Vật liệu polime	3	1,5	2	2	1	2			6	5,5	15%
5	Chương 5: Đại cương kim loại	Vị trí, cấu tạo của kim loại	3	1,5	2	2					5	3,5	12,5%
6		Tính chất vật lí của kim loại	3	1,5	2	2					5	3,5	12,5%
7		Tổng hợp kiến thức hữu cơ			2	2	2	4	1	3	5	9	12,5%
Tổng			16	8	12	12	8	16	4	14	40	50	100%
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%				
Tỉ lệ chung			70%				30%						

3.2. Ma trận đề Khối 12D:

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số câu TN	Thời gian (phút)	
1	Chương 3: Amin – Amino axit – Peptit – Protein	Amin	3	1,5	1	1	3	7,5			7	10	17,5%
2		Amino axit	2	1	2	2	4	10			8	13	20%
3		Peptit - Protein	2	1	1	1	1	2,5			4	4,5	10%

4	Chương 4: Polime – Vật liệu polime	Poime – Vật liệu polime	3	1,5	2	2	1	2,5			6	6	15%
5	Chương 5: Đại cương kim loại	Vị trí, cấu tạo của kim loại.	3	1,5	2	2					5	3,5	12,5%
6		Tính chất vật lí của kim loại	3	1,5	2	2					5	3,5	12,5%
7		Tổng hợp kiến thức hữu cơ			2	2	3	7,5			5	9,5	12,5%
Tổng			16	8	12	12	12	30			40	50	100%
Tỉ lệ %			40%		30%		30%		00%				
Tỉ lệ chung			70%				30%						

II. HÓA HỌC 11:

1. Giới hạn nội dung kiểm tra:

- Chương 2: Nitơ – Photpho.
- Chương 3: Cacbon – Silic.

2. Hình thức kiểm tra: Tự luận, Thời gian làm bài: 45 phút.

Đảm bảo 4 mức độ:

- + Khối 11A: Nhận biết : Thông hiểu : Vận dụng thấp : Vận dụng cao = 4 : 3 : 2 : 1
- + Khối 11D: Nhận biết : Thông hiểu : Vận dụng thấp : Vận dụng cao = 4 : 3 : 3 : 0

3. Cấu trúc Đề điểm tra:

A. LÝ THUYẾT: (7,0 điểm)

- Câu 1: (2,0 điểm)** Thực hiện chuỗi phương trình phản ứng (4 phương trình).
- Câu 2: (1,0 điểm)** Nêu hiện tượng của thí nghiệm. Giải thích hiện tượng bằng phương trình hóa học.
- Câu 3: (2,0 điểm)** Viết phương trình phản ứng xảy ra giữa các chất (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).
- Câu 4: (1,0 điểm)** Điều chế (điều chế qua 2 phương trình).
- Câu 5: (1,0 điểm)** Viết phương trình chứng minh tính chất (2 phương trình).

B. BÀI TOÁN: (3,0 điểm)

- Câu 6: (1,0 điểm)** Dạng toán CO_2 tác dụng với dung dịch kiềm (NaOH hoặc KOH).
- Câu 7: (2,0 điểm)** Toán hỗn hợp 2 kim loại tác dụng với dung dịch HNO_3 tạo khí NO (hoặc NO_2).
- a) Tính khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp (1 điểm).
 - b) Câu hỏi mức độ vận dụng cao. (1 điểm)

*** Lưu ý:**

Đối với Khối 11D: Câu 7b) ở mức độ vận dụng thấp.

III. HÓA HỌC 10:

1. Giới hạn nội dung kiểm tra:

- Chương 2: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.
- Chương 3: Liên kết hóa học.

2. Hình thức kiểm tra: Tự luận, Thời gian làm bài: 45 phút.

Đảm bảo 4 mức độ: Nhận biết : Thông hiểu : Vận dụng thấp : Vận dụng cao = 4 : 3 : 2 : 1

3. Cấu trúc Đề kiểm tra:

A. LÝ THUYẾT: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) a) Viết cấu hình electron → Xác định vị trí của nguyên tố trong Bảng tuần hoàn.

b) Từ vị trí của nguyên tố trong Bảng tuần hoàn → Viết cấu hình electron.

(Các nguyên tố có $Z \leq 20$)

Câu 2: (2,0 điểm) Sắp xếp tính kim loại hoặc tính phi kim của 3 nguyên tố ($Z \leq 20$). Giải thích.

Câu 3: (1,0 điểm) Viết phương trình phản ứng tạo thành hợp chất có liên kết ion từ các đơn chất (có biểu diễn chiều dịch chuyển electron).

Câu 4: (1,0 điểm) Dựa vào quy tắc octet, viết CTCT của 2 chất.

Câu 5: (1,0 điểm) Xác định loại liên kết hóa học trong phân tử dựa trên giá trị độ âm điện của các nguyên tố.

B. BÀI TOÁN: (3,0 điểm)

Câu 6: (1,0 điểm) Xác định tên nguyên tố dựa vào công thức oxide cao nhất hoặc công thức hợp chất khí với hydrogen.

Câu 7: (2,0 điểm) Bài toán xác tên một nguyên tố kim loại dựa vào phản ứng với dung dịch HCl hoặc dung dịch H_2SO_4 loãng.

a) Xác định tên nguyên tố.

b) Câu hỏi vận dụng cao.